

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2023/DS-PT  
Ngày: 13 - 6 - 2023  
“V/v tranh chấp về hợp đồng dân  
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tăng

*Các Thẩm phán:*

Ông Ngô Tấn Lợi

Bà Kiều Kim Xuân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Vũ Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 240/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 309/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N:* Anh Dương Nhật Đ, sinh năm: 1987; Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 05/9/2019.

Địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện T, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Nguyễn Thanh N là Luật sư Nguyễn Văn V – Văn phòng L, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ;

**2. Bị đơn:**

**2.1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1965;**

2.2. Bà **Trần Thị Kim C**, sinh năm: 1967;

Cùng địa chỉ: **Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Kim C** là Luật sư **Nguyễn Hồng T – Văn phòng L1**, thuộc **đoàn luật sư tỉnh Đ**;

Địa chỉ: **Số H, Tổ C, Khóm D, Phường F, thành phố C, Đồng Tháp**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Đ**.

3. *Người kháng cáo:* Ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Kim C** là bị đơn trong vụ án.

Anh **Đ**, ông **H**, bà **C** và các Luật sư có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn* **Nguyễn Thanh N** là anh **Dương Nhật Đ** trình bày:

Vào ngày 24/4/2018, vợ chồng ông **H** và bà **C** có đến hỏi vay của anh **N** số tiền là 55.000.000đồng (có biên nhận nợ) để đáo hạn Ngân hàng.

Ngày 25/4/2018, vợ chồng ông **H**, bà **C** tiếp tục đến gặp anh **N** hỏi vay thêm số tiền là 230.000.000đồng (có biên nhận nợ) để trả tiền đáo hạn Ngân hàng.

Anh **N** nhiều lần yêu cầu ông **H**, bà Chi trả số tiền trên nhưng ông bà vẫn cố tình không trả.

Nay anh **Nguyễn Thanh N** yêu cầu vợ chồng ông **H**, bà Chi trả số tiền vay tổng cộng vốn là 285.000.000đồng và tiền lãi là 11.400.000đồng.

+ Lãi suất của 55.000.000đồng tính từ ngày 24/4/2018 đến ngày khởi kiện là 02 tháng với lãi suất 2%/tháng là  $1.100.000\text{đồng} \times 2 = 2.200.000\text{đồng}$ .

+ Lãi suất của 230.000.000đồng tính từ ngày 25/4/2018 đến ngày khởi kiện là 02 tháng với lãi suất 2%/tháng là  $4.600.000\text{đồng} \times 2 = 9.200.000\text{đồng}$ .

- *Các bị đơn ông* **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Kim C** cùng trình bày:

Theo văn bản ghi ý kiến ngày 20/8/2018 thì vợ chồng ông bà thừa nhận có vay của anh **N** số tiền là 70.000.000 đồng (biên nhận ngày 05/11/2017), đã trả được 40.000.000đồng còn nợ lại 30.000.000đồng.

Đối với 02 biên nhận nợ ngày 24/4/2018 số tiền là 55.000.000đồng và biên nhận ngày 25/4/2018 số tiền là 230.000.000đồng là do anh **N** có điện thoại kêu vợ chồng ông bà đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xuống để vay tiền giùm, rồi khoảng 08 giờ (không nhớ ngày tháng năm) vợ chồng ông bà có xuống nhà anh **N**, có nói chuyện qua lại rồi anh **N** cầm ba trăm ép ông **H** ký tên khi đó không có ai nên ông **H** ký tên để thoát thân, chứ không biết nội dung gì.

Ông **H**, bà **C** chỉ thừa nhận có nợ của anh **N** số tiền 70.000.000đồng của biên nhận ngày 05/11/2017, nhưng đã trả được 40.000.000đồng (có đóng lãi cho người tên **H1**, nghe người ta nói là **H1** đệ tử của **N1** nhưng hiện Hữu đã bỏ địa phương đi đâu không rõ), chỉ còn nợ lại 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông **H** và bà **C** trình bày là việc ông **H** ký tên vào 02 biên nhận ngày 24/4/2018 và ngày 25/4/2018 là do bị ép buộc, chứ không biết nội dung ký tên là gì hết, và việc bị ép buộc này ông, bà có trình báo cho Thanh tra **công an tỉnh Đ**, **công an huyện T**, công an **thị trấn M**, công an xã **M** và **công an xã M**.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thanh N**.

Buộc ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Kim C** có nghĩa vụ liên đới trả cho anh **Nguyễn Thanh N** số tiền vay vốn 285.000.000 đồng và lãi 4.731.000đồng. Tổng cộng 289.731.000 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thanh N** đối với số tiền lãi 6.669.000đồng (Sáu triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Kim C** phải chịu 14.487.000 đồng (Mười bốn triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh **Nguyễn Thanh N** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho anh **Nguyễn Thanh N** 7.410.000 đồng (Bảy triệu, bốn trăm mười nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số: BG/2015/0005505 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 7 năm 2019, các bị đơn ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Kim C** yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án 20/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười. Ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Kim C** chỉ đồng ý trả cho anh **N** số tiền vay 70.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông **H** và bà **C** không đồng ý trả 70.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **H**, bà **C** trình bày: Ông **H** xác định là không có vay tiền của anh **N**, khi ký tên vào tờ biên nhận ông **H** ký vào 01 tờ giấy trắng. Hai biên nhận vay tiền, bà **C** không có ký tên, nên không có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 289.731.000 đồng cho anh **N**, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông **H**, bà **C**.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh **N** trình bày: Anh **N** có cho ông **H** vay 02 lần số tiền 285.000.000 đồng thể hiện 02 biên nhận ngày 24/4/2018 và ngày 25/4/2018, nhưng ông **H** không thừa nhận. Tuy nhiên, theo kết quả giám định số 43307/KL-KTHS ngày 20/10/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đủ cơ sở xác định xác định ông **H** là người vay tiền của anh **N**, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **H**, bà **C**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông **H** và bà **C**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] về tố tụng:

Anh **N** khởi kiện ông **H** và bà **C** yêu cầu trả số tiền vay 285.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 24/4/2018, anh **N** có cho ông **H**, bà **C** vay 55.000.000 đồng và ngày 25/4/2018 anh **N** tiếp tục cho ông **H** và bà **C** vay 230.000.000 đồng, tổng cộng 285.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, khi vay ông **H** có ký tên vào biên nhận. Ông **H** và bà **C** không thừa nhận có vay của anh **N** số tiền 285.000.000 đồng, mà cho rằng ngày 05/11/2017 có vay của anh **N** số tiền 70.000.000 đồng đã trả được 30.000.000 đồng, còn nợ 40.000.000 đồng, nên không đồng ý trả 285.000.000 đồng.

[3] Án sơ thẩm xử buộc ông **H** và bà **C** liên đới trả cho anh **N** số tiền 285.000.000 đồng và lãi 4.731.000 đồng. Ông **H** và bà **C** không đồng ý có đơn kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của ông **H** và bà **C** không đồng ý trả cho anh **N** số tiền vay 285.000.000 đồng và tiền lãi 4.731.000 đồng.

[5] Xét thấy, anh **N** cho ông **H** và bà **C** vay, khi vay ông **H** có ký tên vào biên nhận ngày 24/4/2018 và biên nhận ngày 25/4/2018. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông **H** không thừa nhận chữ ký biên nhận ngày 24/4/2018 và biên nhận ngày 25/4/2018 và có yêu cầu Hội đồng xét xử Trung cấp giám định. Theo kết luận giám định số 4307/KL-KTHS ngày 20/10/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“1. Chữ ký đứng tên **Lê Văn H** trên 02 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên **Lê Văn H** trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4, từ M6 đến M10, M13 là do cùng một người ký ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên **Lê Văn H** trên 02 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên **Lê Văn H** trên các tài liệu mẫu

so sánh ký hiệu M3, M5, M11, M12 là có phải do cùng một người ký ra hay không”.

[6] Như vậy, trong 13 mẫu chữ ký dùng làm mẫu so sánh để giám định đều do ông Hoàng cung c thì có 09 mẫu chữ ký so sánh cùng chữ ký với biên nhận ngày 24/4/2018, ngày 25/4/2018. Còn 04 mẫu chữ ký so sánh không đủ cơ sở kết luận giám định chứ không phải 04 mẫu so sánh không phải chữ ký của ông H.

[7] Vì thế, có đủ cơ sở xác định ông H là người vay tiền của anh N số tiền 285.000.000 đồng, nên án sơ thẩm buộc ông H trả cho anh N số tiền 285.000.000 đồng và lãi là có cơ sở.

[8] Về phía ông H, bà C cho rằng biên nhận ngày 24/4/2018 và biên nhận ngày 25/4/2018 ông H ký là do anh N đe dọa, ép buộc ông H ký. Ông H, bà C đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ tại Công an huyện T và Công an xã M, huyện T. Theo Công văn số 11/CV-CAX ngày 25/11/2022 của Công an xã M và Công văn số 271/CAH-D9TTP ngày 15/5/2023 của Công an huyện T thì vào thời điểm tháng 3-4 năm 2018, Công an xã M có phân công 02 công an viên đến hiện trường nhà ông Lê Văn H tại ấp C, xã M, T, Đồng Tháp theo tin báo của ông Lê Văn H và có tiến hành lập biên bản, lấy lời khai ban đầu đối với ông Lê Văn H, hiện tại hồ sơ bị thất lạc. Theo văn bản ghi ý kiến ngày 20/8/2018 ông H và bà C trình bày:...khi vào nhà N đóng cửa quản thúc chúng tôi rồi đưa ra tờ biên nhận nợ đã viết sẵn ghi số nợ 230.000.000 đồng...khổng chế, hăm dọa đánh, ông H sợ nên ký vào biên nhận. Như vậy, khi Công an xã M làm việc là tại nhà ông H, bà C, còn biên nhận theo ông H, bà C thì được ký tại nhà anh N. Tuy nhiên, ông H và bà C không có chứng cứ chứng minh anh N có hành vi đe dọa, ép buộc ông H ký tên vào 02 biên nhận.

[9] Về số tiền vay 285.000.000 đồng, mặc dù bà C không có ký tên vào biên nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà C thừa nhận hiện ông H và C vẫn là vợ chồng chung sống với nhau, mọi sinh hoạt chi tiêu hàng ngày, các nguồn tiền thu nhập, chi tiêu thì ông H và bà C đều sử dụng chung. Mặc khác, trước đó anh N có cho bà C, ông H vay 70.000.000 đồng ngày 05/11/2017 do bà C ký tên vay, nhưng bà C thừa nhận là do ông H và bà C cùng trả nợ cho anh N. Vì thế, Hội đồng xét xử buộc bà C liên đới cùng ông H trả cho anh N số tiền 285.000.000 đồng và lãi 4.731.000 đồng.

[10] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh **N** là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **H** và bà **C**. Xét thấy cũng như phần nhận định trên, đề nghị của Luật sư là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **H**, bà **C** giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[14] Do kháng cáo của ông **H**, bà **C** không được chấp nhận, nên ông **H**, bà **C** phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1, Điều 138 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[15] Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Kim C**.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thanh N**.

2. Buộc ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Kim C** cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh **Nguyễn Thanh N** số tiền vay vốn gốc và lãi là 289.731.000 đồng (Hai trăm, tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thanh N** đối với số tiền lãi 6.669.000 đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

5. Về án phí:

5.1. Ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Kim C** phải nộp 14.487.000 đồng (Mười bốn, bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Anh **Nguyễn Thanh N** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho anh **Nguyễn Thanh N** 7.410.000 đồng (Bảy triệu, bốn trăm mười nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số: BG/2015/0005505 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

5.3. Ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Kim C** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông **H** và bà **C** đã nộp theo biên lai số BH/2018 0002545 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tạng**